

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CAO LÃNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 08/2024/KDTM-ST

Ngày: 13/5/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-KDTM ngày 18/03/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 173/2024/QĐST-KDTM ngày 15/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1. Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1978 – Chủ Hộ kinh doanh **Hai T1**. Địa chỉ: **Số C, đường L, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** (Viết tắt là Chủ hộ Hai Tê).

1.2. Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1965 – Chủ Hộ kinh doanh **Nguyễn Văn T2**. Địa chỉ: **Tổ C, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** (Viết tắt là chủ hộ **Nguyễn Văn T2**).

1.3. Ông **Vũ Bá T3**, sinh năm 1972 – Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng **Trần Quốc T4**. Địa chỉ: **Số A, quốc lộ C, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** (Viết tắt là Cửa hàng **Trần Quốc T4**).

Người đại diện hợp pháp của ông **Trần Thanh T**, ông **Nguyễn Văn T2**, ông **Vũ Bá T3**: ông **Nguyễn Tấn T5**, sinh năm 1978 và bà **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1986. Cùng địa chỉ: **Số C, Nguyễn H1, tổ B, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/12/2023).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (Viết tắt là Công ty S). Địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Xuân Ô – Chức vụ giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1968; Chức vụ-Giám đốc Công ty S. Địa chỉ: Số C, đường T, phường T, quận A, TP ..

(Ông T5 có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, bà H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Tấn T5, bà Trần Thị Kim H là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn thống nhất trình bày:

+ Ông Trần Thanh T - Chủ hộ kinh doanh Hai Tê (Kinh doanh hàng trang trí nội thất, vật liệu xây dựng) trình bày yêu cầu:

Ngày 18/2/2022 cho đến ngày 25/10/2022, ông Trần Thanh T - Chủ hộ kinh doanh Hai T1 có thoả thuận giao dịch mua bán vật liệu xây dựng (giao dịch mua bán bằng miệng) với Công ty S, địa chỉ công ty: Tổ C, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Đặng Văn Đ (Chức vụ: Phó giám đốc của Công ty) là người đại diện đứng ra giao dịch mua vật liệu xây dựng cho Công ty S với ông Trần Thanh T - chủ Hộ kinh doanh Hai T1. Việc mua bán và cách thức thanh toán tiền với nhau giữa hai bên thoả thuận bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (theo thoả thuận), sau khi bên bán giao hàng thì phía bên mua có xác nhận đúng khối lượng theo phiếu giao hàng, mỗi lần giao hàng đều có xác nhận của phía Công ty S (do bà Y hoặc ông P là thành viên của Công ty ký xác nhận đầy đủ). Khi nhận hàng xong, thì phía Công ty S phải thanh toán tiền đầy đủ cho ông Trần Thanh T, hình thức thanh toán tiền là trong vòng 7 ngày hoặc chậm nhất là 01 tháng (theo thoả thuận giữa hai bên).

Từ ngày 18/2/2022 cho đến ngày 25/10/2022, ông Trần Thanh T đã giao hàng hoá cho phía Công ty S rất nhiều lần (có danh sách liệt kê kèm theo), với tổng số tiền là 625.681.800 đồng. Sau đó, Công ty S có thanh toán cho ông Trần Thanh T 02 lần: lần 01 vào ngày 27/4/2022 số tiền là 80.000.000 đồng; lần 02 vào ngày 11/5/2022 số tiền là 30.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần thanh toán số tiền là 110.000.000 đồng. Công ty S còn nợ lại tiền gốc của ông Trần Thanh T số tiền là 515.681.800 đồng. Phía Công ty S có hẹn với ông T nhiều lần nhưng không thực hiện việc trả nợ như đã hứa hẹn. Đến ngày 22/6/2023, ông T trực tiếp đến gặp ông Đặng Văn Đ ở Quận A, thành phố Hồ Chí Minh thì ông Đ có hẹn đến ngày 07/7/2023 sẽ thanh toán hết số tiền còn nợ nêu trên cho ông Trần Thanh T, nhưng đến nay Công ty S vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã hứa.

Nay ông **Trần Thanh T** - Chủ hộ kinh doanh Hai Tê yêu cầu **Công ty S** phải có trách nhiệm nghĩa vụ trả lại số tiền còn nợ cho ông **Trần Thanh T** - chủ Hộ kinh doanh Hai Tê số tiền gốc còn nợ là 515.681.800 đồng cùng với mức lãi suất chậm thanh toán, tạm tính kể từ ngày 07/7/2023 (lãi suất chậm thanh toán) cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh của việc chậm thanh toán cho đến khi trả xong khoản nợ nêu trên cho ông **Trần Thanh T** - chủ Hộ kinh doanh **Hai T1**.

+ Ông **Nguyễn Văn T2** - Chủ hộ kinh doanh **Nguyễn Văn T2** trình bày yêu cầu:

Vào ngày 14/6/2022 cho đến ngày 01/11/2022, giữa ông **Nguyễn Văn T2** có thoả thuận giao dịch bằng lời nói (bằng miệng) để bán sắt hộp kẽm nhiều lần (đều có hoá đơn chứng từ kèm theo) cho **Công ty S** do ông **Đặng Văn Đ** (Chức vụ: Phó giám đốc của Công ty) là người đại diện đứng ra giao dịch mua sắt hộp kẽm của **H2** kinh doanh **Nguyễn Văn T2** (có biên bản xác nhận công nợ ngày 14/5/2023) với số tiền còn nợ là 213.690.000 đồng. Nay, ông **Nguyễn Văn T2** - chủ Hộ kinh doanh **Nguyễn Văn T2** yêu cầu buộc **Công ty S** phải có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ cho ông **Nguyễn Văn T2** - chủ Hộ kinh doanh **Nguyễn Văn T2** là 213.690.000 đồng, đồng thời phải chịu mức lãi suất chậm thanh toán tạm tính kể từ ngày 14/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất chậm thanh toán trên nợ gốc theo quy định của pháp luật và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh chậm thanh toán cho đến khi **Công ty S** trả xong số nợ gốc, lãi suất cho ông **Nguyễn Văn T2** - chủ Hộ kinh doanh **Nguyễn Văn T2**.

+ **Vũ Bá T3** - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng **Trần Quốc T4** trình bày yêu cầu:

Từ tháng 12/2021 cho đến tháng 7/2022, giữa ông **Vũ Bá T3** - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng **Trần Quốc T4** có thoả thuận giao dịch để bán cho **Công ty S** do ông **Đặng Văn Đ** (Chức vụ: Phó giám đốc của Công ty) là người đại diện cho **Công ty S** đứng ra giao dịch để mua cát đen xây dựng khai thác và đá 1x2, 4x6 TP của phía Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng **Trần Quốc T4**, với tổng khối lượng đã được hai bên thống nhất xác nhận đúng về chủng loại và giá cả với tổng số tiền là 195.267.500 đồng. Đến ngày 05/4/2022 **Công ty S** có thanh toán cho Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng **Trần Quốc T4** được số tiền là 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền tổng cộng theo hoá đơn có tính thuế giá trị gia tăng là 95.839.922 đồng.

Nay, ông **Vũ Bá T3** - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng **Trần Quốc T4** yêu cầu **Công ty S** phải có trách nhiệm nghĩa vụ trả lại số tiền còn nợ gốc là 95.839.922 đồng (theo hoá đơn giá trị gia tăng đã xuất hoá đơn) và đồng thời yêu cầu phải tính lãi suất về việc chậm thanh toán cho phía cửa hàng,

3

với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, tạm tính kể từ ngày 28/11/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tiếp tục phải chịu lãi suất chậm thanh toán số tiền nêu trên cho đến khi phía Công ty S trả xong khoản nợ gốc, lãi suất nêu trên cho ông Vũ Bá T3 - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng Trần Quốc T4. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Vũ Bà T6 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Thanh T - Chủ hộ kinh doanh Hai T1 và ông Nguyễn Văn T2 - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 không yêu cầu Công ty S trả tiền lãi chậm thanh toán của số tiền vốn còn nợ. Lãi chậm thi hành án ông Trần Thanh T - Chủ hộ kinh doanh Hai T1 và ông Nguyễn Văn T2 - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 648 Bộ luật dân sự, không yêu cầu theo mức lãi suất bình quân của 03 ngân hàng tại địa phương.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1968; Chức vụ: Giám đốc điều hành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S trình bày:

Ông Đ xác định hiện Công ty S vẫn đang hoạt động theo quy định của pháp luật, địa chỉ công ty và người đại diện theo pháp luật không thay đổi so với giấy đăng ký kinh doanh. Ông Đ yêu cầu Tòa án gửi văn bản của Tòa án về địa chỉ: Số C, đường T, phường T, quận A, TP .

Công ty S thừa nhận còn nợ ông T – Chủ doanh nghiệp H3 tổng số tiền 335.000.000 đồng đã trả 110.000.000 đồng vào các ngày như ông T trình bày và hiện nay thừa nhận còn nợ ông T - Chủ hộ kinh doanh Hai Tê số tiền 225.000.000 đồng số tiền đã bao gồm 10% thuế VAT theo quy định. Sau khi Công ty S chuyển trả tiền thì ông T phải xuất hóa đơn. Sau khi mua bán thì giữa Công ty S và ông T tiến hành xác nhận nợ và Công ty S và ông T thống nhất Công ty S còn nợ số tiền 225.000.000 đồng vào năm 2023. Ông Đ sẽ cung cấp cho Tòa án bản xác nhận công nợ nêu trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 01/03/2023.

Công ty S thừa nhận còn nợ ông Nguyễn Văn T2 - Chủ Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 số tiền 213.690.000 đồng. Nay Công ty S đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T2 - Chủ Hộ kinh doanh số tiền 213.690.000 đồng và yêu cầu ông T2 phải ký kết hợp đồng bằng văn bản và xuất hóa đơn theo quy định của pháp luật. Số tiền 213.690.000 đồng đã bao gồm 10% thuế VAT theo quy định.

Công ty S thừa nhận còn nợ ông Vũ Bá T3 - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng Trần Quốc T4 số tiền 95.839.922 đồng. Công ty S đồng ý trả cho ông Vũ Bá T3 - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng Trần Quốc T4. Công ty S yêu cầu ông T3 phải xuất hóa đơn theo quy định của pháp luật và làm hợp đồng theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, nên không có kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chủ hộ kinh doanh Hai Tê và Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 vì: Việc mua bán giữa chủ hộ kinh doanh Hai T1 và Công ty S có lập bảng kê mua hàng và có xác nhận của đại diện Công ty S. Tại phiên hòa giải, Công ty S trình bày sau khi lập bảng kê mua hàng các bên tiến hành thống nhất lại và lập bảng kê khác, nhưng không cung cấp được. Đối với việc mua bán với Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 các bên có lập hóa đơn bán lẻ và Công ty S thừa nhận còn nợ Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 50 Luật thương mại năm 2005 xét xử chấp nhận yêu cầu của Chủ hộ kinh doanh Hai Tê và Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Trần Thanh T - Chủ hộ kinh doanh Hai Tê yêu cầu phía Công ty S phải có trách nhiệm nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 515.681.800 đồng cùng với mức lãi suất chậm thanh toán, tạm tính kể từ ngày 07/7/2023 (lãi suất chậm thanh toán) cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh của việc chậm thanh toán cho đến khi trả xong. Ông Nguyễn Văn T2 - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 yêu cầu buộc Công ty S phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 213.690.000 đồng, đồng thời phải chịu mức lãi suất chậm thanh toán tạm tính kể từ ngày 14/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất chậm thanh toán trên nợ gốc theo quy định của pháp luật và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh chậm thanh toán cho đến khi Công ty S trả xong số nợ gốc, lãi. Ông Vũ Bá T3 - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng Trần Quốc T4 yêu cầu Công ty S phải có trách nhiệm nghĩa vụ trả lại số tiền còn nợ gốc là 95.839.922 đồng (theo hoá đơn giá trị gia tăng đã xuất hoá đơn) và đồng thời yêu cầu phải tính lãi suất về việc chậm thanh toán cho phía cửa hàng, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, tạm tính kể từ ngày 28/11/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tiếp tục phải chịu lãi suất chậm thanh toán số tiền nêu trên. Ngoài ra, không ai

có yêu cầu nào khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại năm 2005.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do Công ty S có địa chỉ: Tổ C, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Công ty S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Vũ Bá T3 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của ông T3 là tự nguyện. Tại phiên tòa sơ thẩm, Chủ hộ kinh doanh Hai T1 và Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 không yêu cầu Công ty S trả tiền lãi chậm thanh toán. Căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Bá T3 - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng Trần Quốc T4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chủ hộ kinh doanh Hai T1 và Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 về việc yêu cầu Công ty S trả tiền lãi chậm thanh toán.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Chủ hộ kinh doanh Hai Tê yêu cầu Công ty S trả số tiền 515.681.800 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[6] Căn cứ vào bảng kê mua hàng Chủ hộ kinh doanh Hai Tê có xác nhận của đại diện Công ty S và Biên bản hòa giải ngày 01/03/2024 xác định Công ty S còn nợ Chủ hộ kinh doanh Hai Tê số tiền 625.681.800 đồng. Ngày 27/4/2022, Công ty S có trả cho Chủ hộ kinh doanh Hai Tê 80.000.000 đồng. Ngày 11/5/2020, Công ty S trả cho Chủ hộ kinh doanh Hai Tê số tiền 30.000.000 đồng còn nợ số tiền 515.681.800 đồng. Công ty S cho rằng chỉ còn nợ Chủ hộ kinh doanh Hai Tê số tiền 225.000.000 đồng và có bảng xác nhận công nợ. Tuy nhiên, Công ty S không cung cấp được bản xác nhận công nợ. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định danh mục hàng hóa theo bảng kê mua hàng từ số thứ tự 107 đến số thứ tự 114 là trùng nhau, nhưng chỉ tính tiền 01 lần. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Công ty S còn nợ Chủ hộ kinh doanh Hai Tê tiền mua bán vật liệu xây dựng 515.681.800 đồng và buộc Công ty S có nghĩa vụ trả cho Chủ hộ kinh doanh Hai Tê số tiền vốn gốc 515.681.800 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 yêu cầu Công ty S trả số tiền 213.690.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ bảng xác nhận công nợ, hóa đơn bán hàng và tại biên bản hòa giải ngày 01/03/2024, Công ty S thừa nhận còn nợ Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 số tiền mua bán vật liệu xây dựng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hiện nay Công ty S còn nợ Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 số tiền 213.690.000 đồng và buộc Công ty S

có nghĩa vụ trả cho Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 số tiền vốn gốc 213.690.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005.

[8] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 24, 50, 306 Luật thương mại năm 2005 chấp nhận yêu cầu của Chủ hộ kinh doanh Hai Tê, buộc Công ty S có nghĩa vụ trả cho Chủ hộ kinh doanh Hai Tê số tiền nợ vốn 515.681.800 đồng. Chấp nhận yêu cầu của Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2, buộc Công ty S có nghĩa vụ trả cho Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 số tiền nợ vốn 213.690.000 đồng.

[9] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của Chủ hộ kinh doanh Hai Tê và Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí:

[9] Do chấp nhận yêu cầu của Chủ hộ kinh doanh Hai Tê, Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 nên Công ty S phải chịu 33.174.800 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chủ hộ kinh doanh Hai Tê được nhận lại số tiền 11.156.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001025 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn T2 được nhận lại số tiền 5.342.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001026 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Ông Vũ Bá T3 - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng Trần Quốc T4 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 2.395.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001027 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 50, 306 của Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Bá T3 - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng Trần Quốc T4 về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S có nghĩa vụ trả lại số tiền còn nợ gốc là 95.839.922 đồng (theo hoá đơn giá trị gia tăng đã xuất hoá đơn) và đồng thời yêu cầu phải tính lãi suất về việc chậm thanh toán cho phía cửa hàng, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, tạm tính kể từ ngày 28/11/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tiếp tục phải chịu lãi suất chậm thanh toán số tiền nêu trên.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1978 – Chủ hộ kinh doanh **H** về việc yêu cầu **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 T7** trả tiền lãi chậm thanh toán.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1965 – Chủ Hộ kinh doanh **Nguyễn Văn T2** về việc yêu cầu **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 T7** trả tiền lãi chậm thanh toán.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1978 – Chủ Hộ kinh doanh **Hai T1**. Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S** có nghĩa vụ trả cho ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1978 – Chủ Hộ kinh doanh Hai Tê số tiền nợ 515.681.800 đồng (Năm trăm mười lăm triệu sáu trăm tám mươi một ngàn tám trăm đồng).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1965 – Chủ Hộ kinh doanh **Nguyễn Văn T2**. Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S** có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1965 – Chủ Hộ kinh doanh **Nguyễn Văn T2** số tiền nợ 213.690.000 đồng (Hai trăm mười ba triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng).

- Trường hợp bên thanh toán chậm thanh toán còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến thi hành xong bản án.

- Về án phí:

+ **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S** phải chịu 33.174.800 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1978 – Chủ Hộ kinh doanh Hai Tê được nhận lại số tiền 11.156.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001025 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1965 – Chủ Hộ kinh doanh **Nguyễn Văn T2** được nhận lại số tiền 5.342.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001026 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Ông **Vũ Bá T3** - Cửa hàng trưởng Cửa hàng kinh doanh Vật liệu xây dựng **Trần Quốc T4** không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 2.395.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001027 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà